TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 461/2023/HC-PT
Ngày: 26/6/2023
Vv: "Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh H, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 250/2023/TLPT-HC ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc: *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai và Quyết định giải quyết khiếu nại"* do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 160/2022/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6916/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa:

* *Người khởi kiện:* Bà Bùi Thị A, sinh năm 1942. Vắng mặt, có đơn ngày 20/6/2023 xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Y, xã X, thành phố H, tỉnh H.

* *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh H;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP H: Ông Nguyễn Văn Đ, Phó Chủ tịch. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H: Ông Phạm Đình T, Trưởng phòng phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân TP H. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lại Văn H, Phó Chủ tịch. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H: Ông Nguyễn T, Phó Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, Sở tư pháp tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên* quan: Anh Hoàng Hải H, sinh năm 1982; Chị Bùi Thị B, sinh năm 1984.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H, chị B: Bà Bùi Thị A, sinh năm 1942.. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện và trình bày của người khởi kiện bà Bùi Thị A tại Tòa án cấp sơ thẩm có nội dung:

Hộ gia đình bà Bùi Thị A có 03 khẩu được Nhà nước giao đất nông nghiệp tại xã X, thành phố H, tỉnh H gồm: Vợ chồng bà Bùi Thị A, ông Hoàng Văn V và 01 người con của ông bà là anh Hoàng Hải H. Ông Vượng chết ngày 10/9/2010. Bà và ông V có 02 con chung là anh Hoàng Hải Hưng và chị Bùi Thị B, ngoài ra ông Vượng không còn con nuôi, con riêng nào khác. Bố mẹ ông V đã chết từ lâu. Tổng diện tích đất nông nghiệp của cả hộ được giao là 1.197m^2; đất nông nghiệp của gia đình bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 05/8/2016, UBND thành phố H ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND thu hồi 280.924,3m^2 đất thuộc địa giới hành chính xã X và phường Y, thành phố H. Gia đình bà bị thu hồi 586m^2 đất nông nghiệp trong đó có 508m^2 đất nông nghiệp tại thửa 15 tờ bản đồ số 11 và 78m^2 đất nông nghiệp tại thửa 127 tờ bản đồ số 12 tại thôn Y, xã X, thành phố H, tỉnh H. Căn cứ Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố H, gia đình bà được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền 121.378.400 đồng.

Theo Thông báo số 221/TB-PTQĐ ngày 02/12/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất, bà được biết UBND thành phố H thu hồi đất của gia đình bà để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế xã hội (dự án Khu đô thị Thương mại - dịch vụ xã X). Gia đình bà đã bàn giao diện tích đất thu hồi cho UBND thành phố H và đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Sau một thời gian bà thấy UBND thành phố H lại giao diện tích đất thu hồi của hộ gia đình bà và các hộ dân khác trong cùng dự án đó cho Công ty Cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Thăng Long để thực hiện dự án Khu dân cư mới xã X, thành phố H, trong khi tại Danh mục các công trình dự án sử dụng đất năm 2013 tỉnh H (ban hành kèm theo Công văn số 2824/BTNMT-TLQLĐĐ ngày 24/7/2013 của Bộ Tài nguyên và môi trường về việc chuyển đổi

mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh H), dự án tại xã X, thành phố H là "Dự án khu đô thị, thương mại dịch vụ". Quá trình thực hiện, Công ty Cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Thăng Long đã thực hiện phân lô, bán nền khu đất dự án. Căn cứ quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, dự án mà Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Thăng Long thực hiện không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất mà thuộc trường hợp doanh nghiệp phải tự thỏa thuận, thương lượng với người dân trên cơ sở giao dịch dân sự quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013.

Mặt khác, quá trình thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ tái định cư, UBND thành phố H áp dụng nhiều mức giá bồi thường khác nhau để chi trả cho các hộ dân, có hộ được bồi thường 69 triệu đồng/sào, có hộ được bồi thường 110 triệu đồng/sào, 130 triệu đồng/sào, có 42 hộ được bồi thường 175 triệu đồng/sào. Gia đình bà nhận tiền bồi thường tương đương 69 triệu đồng/sào. Việc chi trả tiền bồi thường 69 triệu đồng/sào do Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H chi trả và bà có ký chứng từ nhận tiền, còn việc chi trả số tiền cao hơn cho một số hộ gia đình khác thì cũng do Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả trực tiếp nhưng bà không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án. Bà thấy việc áp dụng nhiều mức giá bồi thường khác nhau là trái với nguyên tắc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, không đảm bảo sự công bằng giữa các hộ dân trong cùng dự án.

Ngày 13/12/2019 và ngày 28/5/2020, bà cùng các hộ dân đã làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thành phố H, tỉnh H, nội dung khiếu nại các Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 và số 2282/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (sau đây viết tắt là BT, HT, GPMB) dự án xây dựng Khu dân cư mới xã X, thành phố H. Ngày 17/9/2020, Chủ tịch UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với khiếu nại của các hộ gia đình, cá nhân thôn Y, thôn Phúc Thượng (trong đó có bà A), nội dung không chấp nhận khiếu nại, giữ nguyên nội dung các Quyết định đó.

Ngày 21/10/2020, bà cùng các hộ dân tại thôn Y, thôn P, xã X, thành phố H tiếp tục khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND tỉnh H. 200 hộ dân đã ủy quyền cho 05 công dân tại xã X tham gia quá trình giải quyết khiếu nại. Chủ tịch UBND tỉnh H đã ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của bà Hoàng Thị Tươi cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn Y, thôn Phúc Thượng, xã X, thành phố H, nội dung giữ nguyên kết quả giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H.

Bà A cho rằng các Quyết định phê duyệt phương án BT, HT, GPMB và các Quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà - người có đất bị thu hồi. Dự án thực hiện là dự án tư nhân, có mục đích thương mại, kinh tế nhưng UBND thành phố H lại thu hồi đất và bồi thường cho gia đình bà theo giá Nhà nước quy định, không có sự thỏa thuận giữa người dân và chủ dự án là không đúng quy định pháp luật.

Bà A không có ý kiến gì về việc thu hồi đất nhưng do việc BT, HT, GPMB không công bằng nên bà yêu cầu UBND thành phố H nâng mức bồi thường cho gia đình bà để đảm bảo sự công bằng giữa các hộ.

Bà Bùi Thị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã X, thành phố H;

2. Hủy Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị Tươi, bà Đặng Thị Bê (Mai), ông Hoàng Hải Huân, bà Hoàng Thị Tròn đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn Y, thôn Phúc Thượng, xã X, thành phố H (lần đầu);

3. Hủy Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Hoàng Thị Tươi cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn Y, thôn Phúc Thượng, xã X, thành phố H đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

Ủy ban nhân dân thành phố H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện:

2.1. Về căn cứ, thẩm quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT, GPMB:

Dự án Khu dân cư xã X, thành phố H được UBND tỉnh H phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012, đây là dự án đối ứng tạo nguồn thu từ giá trị quyền sử dụng đất để thanh toán cho công trình đường Kỳ Đồng kéo dài thành phố H, thực hiện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) chủ đầu tư là Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Thăng Long. Dự án được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013. UBND tỉnh H có Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án. HĐND tỉnh H có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; Dự án có trong Kế hoạch sử dụng đất của thành phố H năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 được UBND tỉnh H phê duyệt tại các quyết định: số 3292/QĐ-UBND ngày 31/12/2014, số 257/QĐ-UBND ngày 26/01/2016, số 247/QĐ-UBND ngày 20/01/2017, số 386/QĐ-UBND ngày 05/02/2018, số 588/QĐ-UBND ngày 25/02/2019.

Dự án có tổng diện tích đất quy hoạch là 31 ha, trong đó: đất công trình văn hóa 0,19 ha; đất công trình giáo dục 0,43 ha; đất công trình thể thao 0,38 ha; đất dịch vụ thương mại 0,98 ha; đất nhà ở liền kề 11,41 ha; đất xây dựng chung cư nhà ở xã hội 1,1 ha; đất nhà ở hiện trạng 0,47 ha; đất cây xanh, mặt nước 2,9 ha; đất đấu nối hạ tầng kỹ thuật 0,36 ha; đất giao thông 12,73 ha. Như vậy, dự án khu dân cư mới xã X có mục đích để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng nên thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm d khoản

3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Dự án không thuộc trường hợp sử dụng đất thông qua hình thức nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để sản xuất kinh doanh quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ quy định tại Điều 62, Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND tỉnh H về việc ủy quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT, GPMB, vì vậy UBND thành phố H đã ban hành Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân và Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 phê duyệt phương án BT, HT, GPMB (trong đó có hộ gia đình bà Bùi Thị A) để thực hiện dự án là đúng căn cứ, đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

2.2 Về trình tự, thủ tục và chế độ chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất:

Ngày 05/8/2016, UBND thành phố H đã ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất và đã ban hành các thông báo thu hồi đất và gửi đến người có đất bị thu hồi thuộc dự án theo quy định.

Ngày 31/8/2016 và ngày 11/9/2016 Trung tâm Phát triển Quỹ đất Thành phố phối hợp với UBND xã X, cơ sở thôn, các đơn vị có liên quan và đại diện các hộ dân có đất bị thu hồi họp để triển khai công tác GPMB dự án; trong đó: đã triển khai kế hoạch, thông báo thu hồi đất, các quy định của pháp luật về GPMB.

Sau khi thống kê diện tích, chủ sử dụng đất, tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi, nhân khẩu nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án; kiểm đếm tài sản, cây trồng trên đất; Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H đã lập phương án BT, HT, GPMB, phối hợp với UBND xã X, cơ sở các thôn tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Xét đề nghị của các phòng, ban, đơn vị liên quan; UBND thành phố H đã ban hành các Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án và ban hành các Quyết định phê duyệt phương án BT, HT, GPMB theo quy định, trong đó có Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 phê duyệt phương án BT, HT, GPMB liên quan đến hộ bà Bùi Thị A.

- Về lập phương án BT, HT, GPMB: Sau khi ban hành Kế hoạch, Thông báo thu hồi đất, UBND thành phố H đã chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất, các phòng, ban, đơn vị liên quan thành phố và UBND xã X lập phương án BT, HT, GPMB đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi thuộc dự án đúng theo chế độ chính sách, đơn giá BT, HT và thống nhất chung cho tất cả các hộ dân trong cùng dự án theo quy định tại Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016, Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 và Công văn số 1346/UBND-NNTNMT ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh H; Xét đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất, phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H, UBND thành phố đã phê duyệt phương án BT, HT, GPMB cho các hộ dân tại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 (trong đó có hộ bà A) là đảm bảo đúng quy định của Luật Đất

đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính Phủ và Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016, Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh H, đảm bảo thống nhất một chế độ chính sách đối với tất cả các hộ dân trong cùng dự án. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H đã phối hợp với UBND xã X thông báo và tổ chức chi trả tiền BT, HT cho các hộ dân theo đúng phương án được phê duyệt. Như vậy, việc bà A cho rằng phương án BT, HT, GPMB của dự án khu dân cư mới xã X không công bằng là không có cơ sở.

- Về sự khác biệt tên dự án: Tại số thứ tự 154 Danh mục các công trình, dự án sử dụng đất năm 2013 tỉnh H ban hành kèm theo Công văn số 2824/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 24/7/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chuyển mục đích đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh H (được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chấp thuận tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 29/3/2013) tên dự án, công trình là dự án Khu đô thị, thương mại, dịch vụ xã X, thành phố H, tổng diện tích 31 ha, trong đó đất trồng lúa 25,7 ha.

Tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư X, thành phố H, dự án có tổng diện tích đất quy hoạch là 31 ha.

Về thực chất Khu đô thị, thương mại, dịch vụ xã X hay Khu dân cư X đều là một dự án Khu dân cư mới xã X; vì dự án có cùng một vị trí, địa điểm, cùng một diện tích; tại mục căn cứ xem xét, thẩm định dự án trình Thủ tướng Chính phủ đồng ý chấp thuận là Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư X, thành phố H.

2.3. Về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND Thành phố H:

Theo đơn khiếu nại đề ngày 28/5/2020 và nội dung làm việc ngày 11/6/2020 của Thanh tra thành phố H, bà Hoàng Thị Tươi cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân thôn Y, thôn Phúc Thượng, xã X khiếu nại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019, Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã X, thành phố H.

Ngày 03/7/2020, UBND thành phố H có Thông báo số 590/TB-UBND thụ lý giải quyết khiếu nại; Ngày 20/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 2411/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại (lần đầu) của bà Hoàng Thị Tươi cùng một số công dân thôn Y và thôn Phúc Thượng, xã X; Ngày 09/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố H có Quyết định số 2323/QĐ-UBND ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND thành phố H giải quyết khiếu nại.

Xét đề nghị của Đoàn xác minh tại Báo cáo số 03/BC-ĐXM về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Hoàng Thị Tươi và một số công dân thôn Y, thôn Phúc Thượng, xã X. Ngày 17/9/2020, Phó Chủ tịch UBND thành phố H (theo

Quyết định ủy quyền số 2323/QĐ-UBND ngày 09/7/2020) đã ký Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Hoàng Thị Tươi và một số công dân thôn Y, thôn Phúc Thượng, xã X; trong đó: kết luận giữ nguyên nội dung Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 và Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã X, thành phố H.

Việc giải quyết khiếu nại vụ việc nêu trên của Chủ tịch UBND Thành phố là đảm bảo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Chủ tịch UBND thành phố H và UBND Thành phố H khẳng định toàn bộ quá trình thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT, GPMB và giải quyết khiếu nại liên quan đến thu hồi đất tại dự án Khu dân cư mới xã X, thành phố H đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Do đó yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện:

3.1 Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại (lần hai)

Chủ tịch UBND tỉnh H thụ lý giải quyết khiếu nại (lần hai) của các công dân đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H là bảo đảm đúng quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011 và khoản 7 Điều 22 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

3.2 Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai)

Sau khi nhận đơn khiếu nại của các công dân, Chủ tịch UBND tỉnh H thực hiện thụ lý, thông báo cho các công dân và giao Sở Tài nguyên và Môi trường xác minh nội dung khiếu nại; tổ chức đối thoại với các công dân theo quy định trước khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai).

Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai) bảo đảm theo đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật Khiếu nại; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

3.3 Về nội dung giải quyết khiếu nại (lần hai)

Căn cứ Báo cáo số 322/BC-STNMT ngày 30/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Hoàng Thị Tươi cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân thôn Y, thôn Phúc Thượng, xã X, thành phố H đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), Chủ tịch UBND tỉnh H thấy: Việc giải quyết khiếu nại của các công dân xã X, thành phố H, tỉnh H của Chủ tịch UBND thành phố H bảo đảm đúng trình tự, thẩm quyền, đảm bảo quyền lợi của hộ gia đình bà Bùi Thị A và các hộ gia đình có đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật nên đã quyết định giữ nguyên Quyết định số 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) là có cơ sở.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

Bản án hành chính sơ thẩm số 160/2022/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; Điều 158, Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ các Điều 62, 66, 69, 75, 77, 83, 84, 88, 89, 90, 93, 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ các Điều 18, 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 22, 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị A về việc:

1.1 Yêu cầu hủy Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã X, thành phố H;

1.2 Yêu cầu hủy Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị Tươi, bà Đặng Thị Bê (Mai), ông Hoàng Hải Huân, bà Hoàng Thị Tròn đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn Y, thôn Phúc Thượng, xã X, thành phố H (lần đầu);

1.3 Yêu cầu hủy Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Hoàng Thị Tươi cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn Y, thôn Phúc Thượng, xã X, thành phố H đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

[2] Về án phí: Miễn án phí hành chính sơ thẩm cho bà Bùi Thị A.

Bản án còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Trong thời hạn, bà Bùi Thị A có đơn kháng cáo. Bà Bùi Thị A có đơn đề nghị xét xử phúc thẩm vắng mặt. Đơn ngày 14/3/2023 bà A trình bày nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà với lý do Quyết định 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 là bất hợp pháp về thẩm quyền, nội dung quyết định áp dụng đơn giá Nhà nước để bồi thường cho gia đình là không chính xác đối với dự án thương mại.

Bà Bùi Thị A đề nghị xét xử vắng mặt; người bị kiện (UBND thành phố H, Chủ tịch UBND thành phố H, Chủ tịch UBND tỉnh H) đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh H trình bày quan điểm: Chủ tịch UBND tỉnh H đã thụ lý giải quyết khiếu nại đúng quy định. Về nội dung khiếu nại: Dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi, bồi thường; không thuộc trường hợp thỏa thuận bồi thường; UBND thành phố H đã thực hiện bồi thường đúng quy định. Do vậy, Chủ tịch UBND tỉnh H đã trả lời khiếu nại của bà A và các hộ dân. Đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phát biểu quan điểm: Dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất xây dựng khu dân cư mới quy định tại Điều 62 Luật đất đai. Đủ căn cứ xác định UBND thành phố H thu hồi đất và phê duyệt bồi thường đúng thẩm quyền, đảm bảo về trình tự thủ tục và có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị A và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết vụ án hành chính đơn khởi kiện của bà Bùi Thị A đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của bà Bùi Thị A:

[2.1] Đối với Quyết định số 13577/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng:

- *Về thẩm quyền ban hành*: Dự án Khu dân cư xã X, thành phố H được UBND tỉnh H phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012; được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013; UBND tỉnh H có Văn bản số 2124/UBND-

MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án; HĐND tỉnh H có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. UBND thành phố H thu hồi đất và ban hành Quyết định phê duyệt phương án BT, HT, GPMB đối với hộ gia đình bà Bùi Thị A là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

Bà Bùi Thị A cho rằng trường hợp này bà được quyền thỏa thuận giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất với chủ đầu tư dự án: Dự án khu dân cư mới xã X là dự án đối ứng tạo nguồn thu từ giá trị quyền sử dụng đất để thanh toán cho công trình đường Kỳ Đồng kéo dài thành phố H thực hiện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT), chủ đầu tư là Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Thăng Long (Quyết định số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 của UBND tỉnh H chấp thuận đầu tư dự án Khu dân cư mới xã X). Do vậy, đây không thuộc trường hợp chủ đầu tư dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thỏa thuận về giá chuyển nhượng với người có đất thu hồi quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013, như bà A trình bày.

- *Về trình tự, thủ tục:*

Ngày 05/8/2016, UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất. UBND thành phố H, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H đã phối hợp với UBND xã X ban hành thông báo về việc thu hồi đất, gửi đến người có đất bị thu hồi và niêm yết công khai dự thảo phương án BT, HT, GPMB, tiếp nhận ý kiến và giải đáp thắc mắc của các hộ gia đình, cá nhân về dự thảo phương án BT, HT, GPMB; tổng hợp, hoàn thiện phương án trình các phòng, ban đơn vị liên quan của UBND Thành phố thẩm định.

Ngày 01/12/2016 UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 13485/QĐ-UBND về việc thu hồi 586,1m^2 đất (loại đất LUC) của hộ gia đình bà Bùi Thị A (Vương) thuộc thửa đất số 15 và thửa đất số 127 tờ bản đồ địa chính số 11, 12 thuộc địa giới hành chính xã X, thành phố H. Hộ gia đình bà A không khiếu nại gì đối với quyết định thu hồi đất. Cùng ngày 01/12/2016 UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 13577/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB để thực hiện dự án.

Phương án BT, HT, GPMB được UBND thành phố H phê duyệt, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã thực hiện việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Phương án, công khai mức BT, HT; đồng thời thông báo Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án BT, HT tới các hộ gia đình, cá nhân.

Thực hiện các Quyết định phê duyệt phương án BT, HT, GPMB của UBND thành phố H, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã phối hợp với UBND xã X tổ chức thực hiện việc chi trả tiền BT, HT, GPMB cho các hộ gia đình, cá nhân theo đúng phương án đã được UBND thành phố phê duyệt. Bà A đã ký nhận 121.378.400 đồng (số thứ tự 29 Danh sách chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ).

- *Về nội dung*: Theo phương án BT, HT, GPMB kèm theo Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 thì hộ bà Bùi Thị A ở số thứ tự số 93, diện tích bị thu hồi theo hiện trạng của gia đình bà A là 586,1m^2, diện tích được bồi thường là 586m^2. Gia đình bà A được bồi thường các khoản gồm:

Bồi thường về đất: 24.612.000 đồng (đơn giá đất trồng cây hàng năm 42.000đ/m^2, hệ số 1,0) - phù hợp với quy định của Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 và Quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh H ban hành kèm theo Quyết định 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh H; Quyết định 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND tỉnh H về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh H năm 2016.

Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm: 36.918.000 đồng - phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 83; Điều 84 Luật Đất đai; Điều 15 Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh H ban hành quy định một số chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh H; khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: 8.280.000 đồng - phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai; khoản 7 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 14 Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh H.

Bồi thường hỗ trợ tài sản xây dựng, cây cối hoa màu 2.344.400 đồng - phù hợp với công văn 3619/UBND-NNTNMT ngày 29/6/2016 của UBND tỉnh H về việc hỗ trợ khác để giải phóng mặt bằng, phù hợp quy định tại Điều 90 Luật Đất đai năm 2013.

Hỗ trợ khác theo công văn số 1346/UBND-NNTNMT ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh H: 49.224.000 đồng.

Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ là 121.378.400 đồng.

Như vậy, UBND thành phố H đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và đảm bảo chính sách BT, HT khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình đúng quy định tại các Điều 74, 75, 77, 83, 84, 90 Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ về BT, HT, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và các Quyết định, công văn của UBND tỉnh H.

Người khởi kiện cho rằng việc bồi thường về đất giữa các hộ gia đình có đất thu hồi trong cùng dự án là khác nhau, không đảm bảo công bằng: Theo quy định của pháp luật việc áp giá bồi thường là như nhau, UBND thành phố H cũng xác định tất cả các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức mà Nhà nước có Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư mới xã X, thành phố H đều được áp dụng chung cơ chế, chính sách BT, HT, đảm bảo nguyên tắc công bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 3272/QĐ-UBND

về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố H:

- *Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định:*

Để giải quyết khiếu nại của hộ bà A do bà Hoàng Thị Tươi và một số công dân xã X đại diện; Chủ tịch UBND thành phố H đã thụ lý khiếu nại, quyết định thành lập đoàn xác minh nội dung khiếu nại, thu thập các tài liệu liên quan, tiến hành đối thoại với người đại diện của bà A. Ngày 17/9/2020 Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần đầu) quy định tại Điều 204 Luật Đất Đai năm 2013; Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Điều 18, 27, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn giải quyết quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người khởi kiện.

- *Về nội dung*: Quyết định số 3272/QĐ-UBND không chấp nhận yêu cầu của người khiếu nại (trong đó có bà A) là có căn cứ, như đã phân tích nêu trên.

[2.3] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của Chủ tịch UBND tỉnh H:

- *Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định:*

Chủ tịch UBND tỉnh H đã thụ lý khiếu nại (lần hai), đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H tiến hành xác minh khiếu nại, tiến hành đối thoại với người khiếu nại. Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh H đã ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai quy định tại Điều 22 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Điều 21, 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Về nội dung: Quyết định số 520/QĐ-UBND đã công nhận và giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại (lần đầu) tại quyết định số 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố H, là có căn cứ.

[3] Với những lý do nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện hủy các Quyết định hành chính (phần có liên quan đến hộ gia đình bà A) là có cơ sở.

[4] Bà A kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Bùi Thị A là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí hành chính phúc thẩm, đủ điều kiện được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 220, khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của bà Bùi Thị A, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 160/2022/HC-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Bùi Thị A.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/6/2023.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương